

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022
HUYỆN CẨM MỸ**

Cẩm Mỹ, tháng 07 năm 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022
HUYỆN CẨM MỸ

Ngày tháng năm 2022
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2022
CƠ QUAN LẬP KẾ HOẠCH
UBND HUYỆN CẨM MỸ
CHỦ TỊCH

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
A. SỰ CẦN THIẾT LẬP BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 .	1
B. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU	1
C. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN	2
I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022	4
1. Kết quả thực hiện.....	4
1.1. Về tiến độ thực hiện các dự án, công trình	4
1.2. Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân.....	5
2. Các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện	5
II. BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022	6
Bảng 01: Số lượng công trình, dự án trong năm 2022	6
1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực	7
2. Tổng hợp và cân đối chỉ tiêu sử dụng đất	8
3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích.....	14
3.1. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất hiện trạng....	14
3.2. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất trong hồ sơ địa chính.....	14
4. Diện tích đất cần thu hồi đất.....	15
III. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN	17
1. Giải pháp cải tạo, bảo vệ đất đai và môi trường	17
2. Giải pháp về nguồn lực thực kế hoạch sử dụng đất	18
3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện bổ sung kế hoạch sử dụng đất.....	18
4. Các giải pháp khác.....	19
IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	20
1. Kết luận.....	20
2. Kiến nghị	21

ĐẶT VẤN ĐỀ

A. SỰ CẦN THIẾT LẬP BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

Tại khoản 2 Điều 37 Luật Đất đai năm 2013, quy định: “Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm”; đồng thời tại khoản 1 Điều 52 quy định: căn cứ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Thực hiện các quy định trên, UBND huyện Cẩm Mỹ đã tiến hành lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện và đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 5392/QĐ-UBND ngày 31/12/2021.

Tuy nhiên, kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Cẩm Mỹ được lập trên cơ sở Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện (được phê duyệt tại Quyết định số 4626/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai), đến nay quy hoạch này đã hết hiệu lực. Tại thời điểm lập thì hồ sơ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Cẩm Mỹ chưa được UBND tỉnh phê duyệt.

Hiện nay, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Cẩm Mỹ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5374/QĐ-UBND ngày 31/12/2021. Trong đó, một số dự án, công trình quan trọng của huyện để phục vụ phát triển kinh tế xã hội cần bổ sung để thực hiện trong năm 2022.

Căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương, UBND huyện Cẩm Mỹ đã thực hiện việc lập bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Cẩm Mỹ để làm cơ sở thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2022.

Đồng thời, ngày 15/04/2022, Hội đồng nhân dân tỉnh đã có Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND về việc thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất trong năm 2022 tỉnh Đồng Nai, trong đó có 14 công trình thuộc huyện Cẩm Mỹ.

Vì vậy, để đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2022, từng bước hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế xã hội đến năm 2025 đã đề ra, việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện là rất cần thiết.

B. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xác định nhu cầu sử dụng đất trong năm 2022, đồng thời xác định: vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện các dự án, công trình theo quy định tại Điều 61, 62 Luật Đất đai năm 2013; vị trí, diện tích các dự án, công trình có sử

dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013; diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng phải xin phép theo quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 Luật đất đai năm 2013.

- Đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2020-2025 của huyện đã đề ra; đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ.

2. Yêu cầu

- Việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất phải phù hợp Luật đất đai năm 2013; Luật Quy hoạch; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến Quy hoạch; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai (sau đây gọi tắt là Nghị định 43/2014/NĐ-CP); Nghị định số 37/2019/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch (sau đây gọi tắt là Nghị định số 37/2019/NĐ-CP); Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (sau đây gọi tắt là Thông tư 01/2021/TT-BTNMT).

- Các dự án, công trình bổ sung phải phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Cẩm Mỹ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5374/QĐ-UBND ngày 31/12/2021.

C. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013;
- Luật Quy hoạch năm 2017;
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Những cơ sở và tài liệu thực hiện

- Quyết định số 5374/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2022 tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 04 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 5392/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Cẩm Mỹ;

- Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ;

- Quyết định số: 2936/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Xuân Mỹ;

- Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường nội đồng công 7 cửa đi ấp 1, ấp 2, ấp 3 xã Sông Ray;

- Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường nội ấp 1, ấp 5 xã Sông Ray;

- Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Mương tiêu ấp 10, xã Sông Ray;

- Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng trường Tiểu học Bảo Bình;

- Quyết định số 1067-UBND ngày 19/08/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 05/08/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ;

- Quyết định số 2939/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Xây dựng trường mầm non Xuân Bảo (phân hiệu);

- Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 09/07/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng trường mầm non Xuân Đông (phân hiệu ấp Bể Bạc);

- Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng trường Tiểu học Xuân Mỹ;

- Thông báo số 6263/TB-UBND-TCD ngày 03/06/2020 về Kết quả tiếp công dân Mạc Văn Tương, Nguyễn Thị Gon của Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi tiếp công dân ngày 27/05/2020;

- Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Sông Nhạn;

- Quyết định số 2937/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Thừa Đức;

- Quyết định số 2933/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Xuân Quế;

- Văn bản số: 01.06/CV-PL ngày 01/06/2022 của Công ty TNHH Cải thiện môi trường và sản xuất phân bón Thanh Long về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cho dự án "Nhà máy sản xuất các loại phân bón hữu cơ" tại xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ;

- Quyết định số 3378/QĐ-UBND ngày 18/09/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai quyết định chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng trang trại chăn nuôi gia cầm (gà-vịt) tại xã Xuân Đông;

- Các văn bản, chủ trương của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ;

- Và các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

1. Kết quả thực hiện

1.1. Về tiến độ thực hiện các dự án, công trình

Ngày 31/12/2021, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 5392/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Cẩm Mỹ; tổng số

dự án công trình đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 128 dự án với tổng diện tích 694,26 ha, cụ thể: có 117 dự án/676,06 ha được chuyển từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 và 11 dự án/18,20 ha bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022.

Để thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 hiệu quả, đúng tiến độ UBND huyện Cẩm Mỹ đã có Thông báo số 04/TB-UBND ngày 14/01/2022 công bố, công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 để thông báo tới toàn thể các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để biết thực hiện và giám sát thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2022. Qua triển khai thực hiện 06 tháng đầu năm 2022, kết quả thực hiện cụ thể như sau:

- Dự án, công trình đã thực hiện xong (hoàn thành thủ tục đất đai) là 01 dự án/0,21 ha, chiếm 0,78% về dự án và chiếm 0,03% về diện tích.

- Dự án, công trình đang triển khai thực hiện là 108 dự án/578,09 ha chiếm 84,38% về dự án và chiếm 83,27% về diện tích. Cụ thể:

+ 19 dự án/530,09 ha đã có quyết định thu hồi đất;

+ 03 dự án/7,13 ha đã có thông báo thu hồi đất;

+ 14 dự án/9,79 ha đã được chấp thuận chủ trương đầu tư;

+ 19 dự án/115,96 ha đã xây dựng hiện trạng nhưng chưa hoàn thành thủ tục về đất đai.

- Dự án công trình đến nay chưa thực hiện là 19 dự án/115,96 ha chiếm tỷ lệ 14,84% về số dự án và chiếm tỷ lệ 16,70% về diện tích.

(Tình hình thực hiện các dự án, công trình trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu 01/CH)

1.2. Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân

- Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở: 148 hồ sơ/4,05 ha, đạt 27,0% năm. Trong đó:

+ Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở phục vụ nhu cầu về đất ở phát sinh trong năm: 03 hồ sơ/0,18 ha, đạt 9%.

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm: 42 hồ sơ/6,56 ha, đạt 21,87 % năm.

2. Các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện

- Các dự án chưa triển khai phần lớn là các dự án liên quan đến đất an ninh, đất quốc phòng được đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất theo đề nghị của các đơn vị an ninh, quốc phòng. Mặc dù UBND huyện đã chỉ đạo các ngành, địa

phương chủ động liên hệ để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án nhưng các đơn vị là chủ đầu tư thực hiện dự án theo kế hoạch riêng, ảnh hưởng đến công tác đôn đốc triển khai dự án.

- Một số dự án sử dụng vốn đầu tư không phải của huyện nên địa phương không thể chủ động trong việc triển khai thực hiện.

- Đối với các dự án sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ không thuộc đối tượng được nhà nước thu hồi đất mà chủ đầu tư phải tự thỏa thuận, nên tiến độ thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực này cũng phụ thuộc vào năng lực của chủ đầu tư.

- Các tổ chức, cá nhân đăng ký nhu cầu kế hoạch sử dụng đất để lập hồ sơ giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chậm thực hiện thủ tục, do không đủ năng lực thực hiện theo kế hoạch đã đăng ký, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch.

II. BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022, trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ sẽ thực hiện 145 dự án sử dụng đất với tổng diện tích 709,40 ha. Trong đó: Tiếp tục thực hiện các dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5392/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 là 128 dự án/694,26 ha; Bổ sung mới là 17 dự án/15,14 ha, trong đó có 14 dự án được HĐND tỉnh Đồng Nai thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 về việc thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất trong năm 2022 tỉnh Đồng Nai.

Bảng 01: Số lượng công trình, dự án trong năm 2022

TT	Mục đích sử dụng đất	Tổng số dự án	Tổng diện tích (ha)	Trong đó			
				KH 2022 được duyệt		Bổ sung mới	
				Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
I	Đất nông nghiệp	1	2,91	-	-	1	2,91
1	Đất nông nghiệp khác	1	2,91	-	-	1	2,91
II	Đất phi nông nghiệp	144	706,49	128	694,26	16	12,23
1	Đất quốc phòng	3	64,89	3	64,89	-	-
2	Đất an ninh	9	6,56	8	6,36	1	0,20
3	Đất khu công nghiệp	1	300,00	1	300,00	-	-
4	Đất cụm công nghiệp	1	57,35	1	57,35	-	-
5	Đất thương mại, dịch vụ	9	5,81	9	5,81	-	-
6	Đất cơ sở sản xuất phi nông	6	15,76	5	12,75	1	3,01

TT	Mục đích sử dụng đất	Tổng số dự án	Tổng diện tích (ha)	Trong đó			
				KH 2022 được duyệt		Bổ sung mới	
				Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
	nghiep						
7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	70	217,30	59	210,63	11	6,67
	<i>Trong đó:</i>						
-	Đất giao thông	8	179,41	5	175,15	3	4,26
-	Đất thủy lợi	5	1,94	4	1,22	1	0,72
-	Đất cơ sở tôn giáo	31	17,21	30	17,14	1	0,07
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	1	0,30	1	0,30	-	-
-	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	1	2,98	1	2,98	-	-
-	Đất chợ	1	0,74	1	0,74	-	-
8	Đất sinh hoạt cộng đồng	27	1,28	27	1,28	-	-
9	Đất ở tại nông thôn	5	2,44	5	2,44	-	-
10	Đất ở tại đô thị	5	30,69	5	30,69	-	-
11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	7	4,21	4	1,86	3	2,35
12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1	0,20	1	0,20	-	-
	Tổng	145	709,40	128	694,26	17	15,14

1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

1.1. Bổ sung công trình, dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất trong năm 2022 tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

- Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương là: 10 dự án/4,17 ha với diện tích cần thu hồi là 4,17 ha, gồm:

- + Xây dựng mới trụ sở làm việc công an xã Xuân Mỹ 0,20 ha;
- + Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng Trường Tiểu học Bảo Bình 0,20 ha;

- + Xây dựng trường mầm non Sông Ray (phân hiệu ấp 1) 0,69 ha;
- + Xây dựng trường mầm non Xuân Bảo (phân hiệu) 0,30 ha;
- + Xây dựng trường mầm non Xuân Đông (phân hiệu ấp Bể Bạc) 0,26 ha;
- + Trường TH Võ Thị Sáu (mở rộng) 0,05 ha;
- + Trường Tiểu học Xuân Mỹ (mở rộng) 0,12 ha;
- + Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Sông Nhạn 0,68 ha;
- + Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Thừa Đức 0,67 ha;
- + Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Xuân Quế 1,00 ha.

- Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải là: 04 dự án/4,98 ha với diện tích cần thu hồi là 4,98 ha, gồm:

- + Đường nội đồng công 7 cửa đi ấp 1, ấp 2, ấp 3 xã Sông Ray 1,80 ha;
- + Đường nội ô ấp 1 đi ấp 5, ấp 6 xã Sông Ray 0,66 ha;
- + Đường Nội đồng ấp 2, Xuân Tây 1,80 ha;
- + Mương tiêu ấp 10, xã Sông Ray 0,72 ha.

1.2. Bổ sung trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất và khu vực sử dụng đất khác

- Đất nông nghiệp khác: Bổ sung mới 01 dự án Xây dựng trang trại chăn nuôi gia cầm (gà-vịt) tại xã Xuân Đông 2,91 ha UBND tỉnh Đồng Nai quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 3378/QĐ-UBND ngày 18/09/2020.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Bổ sung mới 01 dự án Nhà máy sản xuất các loại phân bón hữu cơ diện tích 3,01 ha tại xã Xuân Đông của Công ty TNHH Cải thiện môi trường và sản xuất phân bón Thanh Long, đăng ký bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022.

- Đất cơ sở tôn giáo: Bổ sung mới Giáo xứ Hoàn Quân (mở rộng) 0,07 ha tại thị trấn Long Giao theo đề nghị của Sở Nội vụ. Đây là cơ sở tôn giáo hợp pháp có nhu cầu giao đất tôn giáo, mở rộng diện tích đất tôn giáo để phục vụ sinh hoạt tôn giáo của quần chúng tín đồ.

2. Tổng hợp và cân đối chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở các dự án, công trình đã được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 5392/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; các dự án, công trình đề xuất bổ sung. Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Cẩm Mỹ như sau:

Bảng 02: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Cẩm Mỹ

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Chi tiêu được duyệt tại QĐ số 5392/QĐ-UBND (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2022		
				Chi tiêu điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-) (ha)	Cơ cấu (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		46.257,71	46.257,71	-	100
1	Đất nông nghiệp	NNP	40.732,41	40.721,08	-11,33	88,03
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	755,54	755,54	-	1,86
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>472,33</i>	<i>472,33</i>	<i>-</i>	<i>1,16</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4.819,06	4.810,99	-8,07	11,81
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	34.353,50	34.347,33	-6,17	84,35
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	37,66	37,66	-	0,09
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	345,38	345,38	-	0,85
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	421,27	424,18	2,91	1,04
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.523,42	5.534,75	11,33	11,97
2.1	Đất quốc phòng	CQP	429,72	429,72	-	7,76
2.2	Đất an ninh	CAN	45,34	45,54	0,20	0,82
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	300,00	300,00	-	5,42
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	57,35	57,35	-	1,04
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	32,79	32,79	-	0,59
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	55,24	57,99	2,75	1,05
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	3,27	3,27	-	0,06
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.124,52	2.130,79	6,27	38,50
	<i>Trong đó:</i>					
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.236,55</i>	<i>1.240,81</i>	<i>4,26</i>	<i>58,23</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>428,16</i>	<i>428,88</i>	<i>0,72</i>	<i>20,13</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>DVH</i>	<i>12,47</i>	<i>12,35</i>	<i>-0,12</i>	<i>0,58</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>5,67</i>	<i>5,59</i>	<i>-0,08</i>	<i>0,26</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>67,04</i>	<i>68,46</i>	<i>1,42</i>	<i>3,21</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>14,00</i>	<i>14,00</i>	<i>-</i>	<i>0,66</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>3,04</i>	<i>3,04</i>	<i>-</i>	<i>0,14</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>2,10</i>	<i>2,10</i>	<i>-</i>	<i>0,10</i>
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>0,18</i>	<i>0,18</i>	<i>-</i>	<i>0,01</i>
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>21,25</i>	<i>21,25</i>	<i>-</i>	<i>1,00</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>35,72</i>	<i>35,79</i>	<i>0,07</i>	<i>1,68</i>
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang</i>	<i>NTD</i>	<i>73,77</i>	<i>73,77</i>	<i>-</i>	<i>3,46</i>

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Chi tiêu được duyệt tại QĐ số 5392/QĐ-UBND (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2022		
				Chi tiêu điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-) (ha)	Cơ cấu (%)
	<i>lễ, nhà hỏa táng</i>					
-	<i>Đất cơ sở khoa học và công nghệ</i>	<i>DKH</i>	213,52	213,52	-	10,02
-	<i>Đất cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	2,98	2,98	-	0,14
-	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	6,64	6,64	-	0,31
-	<i>Đất hạ tầng khác</i>	<i>DHK</i>	1,43	1,43	-	0,07
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	8,52	8,52	-	0,15
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1,34	1,34	-	0,02
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.207,42	1.207,36	-0,06	21,81
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	82,12	82,09	-0,03	1,48
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	16,23	18,43	2,20	0,33
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,24	1,24	-	0,02
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	3,89	3,89	-	0,07
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	488,20	488,20	-	8,82
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	666,23	666,23	-	12,04
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1,88	1,88	-	0,03
4	Đất đô thị*	KDT	3.377,61	3.377,61	-	7,30

*Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính diện tích tự nhiên*

(Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu 02/CH)

2.1. Đất nông nghiệp:

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2022, diện tích đất nông nghiệp là 40.732,41 ha, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2022 chỉ tiêu đất nông nghiệp là 40.721,08 ha, giảm 11,33 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, chiếm 88,03% diện tích tự nhiên. Cụ thể:

- **Đất trồng lúa:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 là 755,54 ha, chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 755,54 ha không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022, diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 4.810,99 ha, giảm 8,07 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, chiếm 11,81% diện tích đất nông nghiệp.

- **Đất trồng cây lâu năm:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022, diện tích đất trồng cây lâu năm là 34.347,33 ha giảm 6,17 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, chiếm 84,35% diện tích đất nông nghiệp.

- **Đất rừng sản xuất:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022, chỉ tiêu đất rừng sản xuất là 37,66 ha, chiếm 0,09% diện tích đất nông nghiệp, không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022, diện tích đất nuôi trồng thủy sản của Huyện là 345,38 ha, không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất nông nghiệp khác:** Chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 là 421,27 ha, chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 424,18 ha, tăng 2,91 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, chiếm 1,04% diện tích đất nông nghiệp.

2.2. Đất phi nông nghiệp:

Chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2022 diện tích đất phi nông nghiệp trên địa bàn Huyện là 5.534,75 ha, tăng 11,33 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, chiếm 11,97% diện tích tự nhiên. Trong năm 2022 Huyện thực hiện nhiều dự án phát triển giao thông, trường học, trụ sở làm việc các cơ quan đơn vị từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; cơ sở sản xuất phi nông nghiệp,... Do đó, chỉ tiêu đất phi nông nghiệp năm 2022 điều chỉnh tăng là phù hợp với xu hướng và mục tiêu phát triển của Huyện. Cụ thể:

- **Đất quốc phòng:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 429,72 ha, không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất an ninh:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 45,54 ha, tăng 0,20 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, chiếm 0,82% diện tích đất phi nông nghiệp.

- **Đất khu công nghiệp:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch 2022 là 300,00 ha, không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất cụm công nghiệp:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 57,35 ha, không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất thương mại dịch vụ:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 32,79 ha, không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 57,99 ha, tăng 2,75 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, chiếm 1,05% diện tích đất phi nông nghiệp.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 3,27 ha, không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất phát triển hạ tầng:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 2.130,79 ha, tăng 6,27 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, chiếm 38,50% diện tích đất phi nông nghiệp. Trong đó:

+ *Đất giao thông:* chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 1.240,81 ha, tăng 4,26 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, chiếm 58,23% diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ *Đất thủy lợi:* chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 diện tích là 428,88 ha, tăng 0,72 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, chiếm 20,13% diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ *Đất xây dựng cơ sở văn hóa:* chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 12,35 ha, giảm 0,12 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, chiếm 0,58% diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ *Đất xây dựng cơ sở y tế:* chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 5,59 ha, giảm 0,08 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, chiếm 0,26% diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:* chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 68,46 ha, tăng 1,42 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, chiếm 3,21% diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ *Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao:* chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 14,00 ha, không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất công trình năng lượng:* chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 diện tích là 3,04 ha, không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất công trình bưu chính viễn thông:* chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 diện tích là 2,10 ha, không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất có di tích lịch sử - văn hóa:* chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 diện tích là 0,18 ha, không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất bãi thải, xử lý chất thải:* chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 là 21,25 ha, chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 diện tích là 21,25 ha, không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất cơ sở tôn giáo:* chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 35,79 ha, tăng 0,07 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, chiếm 1,68% diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ *Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa:* chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 73,77 ha, không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ **Đất cơ sở khoa học và công nghệ:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 213,52 ha, không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ **Đất cơ sở dịch vụ xã hội:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 2,98 ha, không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ **Đất chợ:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 6,64 ha, không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ **Đất hạ tầng khác:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 1,43 ha, không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022, đất sinh hoạt cộng đồng là 8,52 ha, không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 1,34 ha, không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất ở tại nông thôn:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022, chỉ tiêu đất ở tại nông thôn là 1.207,36 ha, giảm 0,06 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, chiếm 21,81% diện tích đất phi nông nghiệp.

- **Đất ở tại đô thị:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022, chỉ tiêu diện tích đất ở tại đô thị là 82,09 ha, giảm 0,03 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, chiếm 1,48% diện tích đất phi nông nghiệp.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022, đất xây dựng trụ sở cơ quan là 18,43 ha, tăng 2,20 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, chiếm 0,33% diện tích đất phi nông nghiệp.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 1,24 ha, không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất cơ sở tín ngưỡng:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 diện tích là 3,89 ha, không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 diện tích là 488,20 ha, không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch là 666,23 ha, không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

2.3. Đất chưa sử dụng

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn Huyện là 1,88 ha không đổi so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

3.1. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất hiện trạng

Bảng 03: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất theo loại đất hiện trạng trong năm 2022

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Chỉ tiêu được duyệt tại QĐ số 5392/QĐ-UBND (ha)	Chỉ tiêu điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-) (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	500,99	512,32	11,33
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	8,28	13,44	5,16
1.2	Đất trồng cây lâu năm	492,71	498,88	6,17
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	51,00	53,91	2,91
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	1,00	1,00	-
2.2	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nông nghiệp khác	32,00	34,91	2,91
2.3	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	18,00	18,00	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	0,50	0,50	-

(Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất hiện trạng của huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu 03/CH)

3.2. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất trong hồ sơ địa chính

Bảng 04: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất theo loại đất trong hồ sơ địa chính trong năm 2022

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Chỉ tiêu được duyệt tại QĐ số 5392/QĐ-UBND (ha)	Chỉ tiêu điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-) (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	508,62	519,95	11,33
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	4,08	4,08	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	7,37	12,53	5,16
1.3	Đất trồng cây lâu năm	497,17	503,34	6,17
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	83,00	85,91	2,91
	<i>Trong đó:</i>			

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Chỉ tiêu được duyệt tại QĐ số 5392/QĐ-UBND (ha)	Chỉ tiêu điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-) (ha)
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	30,00	30,00	-
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	2,00	2,00	-
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác	15,00	15,00	-
2.4	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	1,00	1,00	-
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nông nghiệp khác	17,00	19,91	2,91
2.6	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	18,00	18,00	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	0,50	0,50	-

(Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất trong hồ sơ địa chính của huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu 03B/CH)

4. Diện tích đất cần thu hồi đất

4.1. Số lượng công trình, dự án phải thu hồi đất trong năm 2022

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất trong năm 2022 tỉnh Đồng Nai. Trong tổng số 145 dự án/709,40 ha đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 có 52 dự án/110,52 ha cần thu hồi đất theo Điều 61, Điều 62, Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 trong đó diện tích cần thu hồi đất là 100,52 ha, cụ thể:

- Các dự án cần thu hồi đất theo Điều 61 Luật đất đai năm 2013: 11 dự án/71,25 ha với diện tích cần thu hồi là 65,95 ha;

- Các dự án cần thu hồi đất theo Khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 21 dự án/32,11 ha với diện tích cần thu hồi là 27,58 ha, cụ thể:

+ Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương là: 11 dự án/4,37 ha với diện tích cần thu hồi là 4,37 ha. Trong đó, bổ sung 10 dự án/4,17 ha với diện tích cần thu hồi là 4,17 ha, gồm: Xây dựng mới trụ sở làm việc công an xã Xuân Mỹ 0,20 ha; Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng Trường Tiểu học Bảo Bình 0,20 ha; Xây dựng trường mầm non Sông Ray (phân hiệu áp 1) 0,69 ha; Xây dựng trường mầm non Xuân Bảo (phân hiệu) 0,30 ha; Xây dựng trường mầm non Xuân Đông (phân hiệu áp Bể Bạc) 0,26 ha; Trường TH Võ Thị Sáu (mở rộng) 0,05 ha; Trường Tiểu học Xuân Mỹ (mở rộng) 0,12 ha; Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Sông Nhạn 0,68 ha; Xây

dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Thừa Đức 0,67 ha; Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Xuân Quế 1,00 ha.

+ Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải là: 09 dự án/21,45 ha với diện tích cần thu hồi là 16,92 ha. Trong đó, bổ sung 04 dự án/4,98 ha với diện tích cần thu hồi là 4,98 ha, gồm: Đường nội đồng công 7 cửa đi ấp 1, ấp 2, ấp 3 xã Sông Ray 1,80 ha; Đường nội ô ấp 1 đi ấp 5, ấp 6 xã Sông Ray 0,66 ha; Đường Nội đồng ấp 2, Xuân Tây 1,80 ha; Mương tiêu ấp 10, xã Sông Ray 0,72 ha.

- Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng là: 01 dự án/6,29 ha với diện tích cần thu hồi là 6,29 ha.

- Dự án cần thu hồi đất theo Điều 65 Luật đất đai 2013: 20 dự án/7,16 ha với diện tích cần thu hồi là 6,99 ha. Trong đó, bổ sung Giáo xứ Hoàn Quân (mở rộng) 0,07 ha. Đây là các cơ sở tôn giáo hợp pháp có nhu cầu giao đất cơ sở tôn giáo, mở rộng diện tích đất cơ sở tôn giáo để phục vụ sinh hoạt tôn giáo của quần chúng tín đồ.

(Danh mục các dự án cần thu hồi đất trong năm 2022 huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu 4B/CH)

4.2. Chỉ tiêu thu hồi đất trong năm 2022

Bảng 05: Diện tích cần thu hồi đất theo từng loại đất năm 2022

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Chỉ tiêu được duyệt tại QĐ số 5392/QĐ-UBND (ha)	Chỉ tiêu điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-) (ha)
1	Đất nông nghiệp	89,76	98,14	8,38
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	0,73	0,73	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	2,36	4,57	2,21
1.3	Đất trồng cây lâu năm	86,67	92,84	6,17
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	1,54	2,38	0,84
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	-	0,26	0,26
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	0,44	0,84	0,40
	<i>Trong đó:</i>			

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Chỉ tiêu được duyệt tại QĐ số 5392/QĐ-UBND (ha)	Chi tiêu điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-) (ha)
-	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	-	0,12	0,12
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	-	0,08	0,08
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	0,43	0,63	0,20
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	0,01	0,01	-
2.3	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,01	0,01	-
2.4	Đất ở tại nông thôn	0,12	0,12	-
2.5	Đất ở tại đô thị	-	0,03	0,03
2.6	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,97	1,12	0,15
	Tổng	91,30	100,52	9,22

(Chỉ tiêu Kế hoạch thu hồi đất năm 2022 huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu 04/CH)

III. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giải pháp cải tạo, bảo vệ đất đai và môi trường

- Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sử dụng hợp lý tài nguyên đất như đầu tư cải tạo đất, nâng cao độ phì của đất; trồng cây để bảo vệ tầng đất canh tác; ngăn ngừa giảm thiểu thoái hóa đất; thực hiện các biện pháp để làm giảm tối đa tác hại xói mòn đất do mưa và dòng chảy gây ra trên đất.

- Khuyến khích nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện đất đai và theo quy hoạch sử dụng đất; trồng các loại cây lâu năm có giá trị kinh tế, thương mại cao kết hợp với trồng các loại cây khác phù hợp để nâng cao hiệu quả sử dụng đất và bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục thực hiện quản lý các khu vực đất trồng lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt đã được cắm biển; có kế hoạch vốn và sử dụng vốn ngân sách để hỗ trợ cho người sản xuất, đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi để ổn định diện tích đất lúa; thực hiện nghiêm Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

- Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; coi ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm những hành vi làm tổn hại đến môi trường như khai thác khoáng sản tùy tiện, chặt phá rừng, đặc biệt là các hành vi xả thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường của các nhà máy, cơ sở sản xuất và các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Chuyên đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường kiến thức, nâng cao năng lực thích ứng, bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, vùng thường xuyên bị tác động của thiên tai.

2. Giải pháp về nguồn lực thực kế hoạch sử dụng đất

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, với cơ cấu ngành nghề và trình độ hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực thuộc các ngành mũi nhọn của huyện.

- Củng cố tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai của địa phương; tăng cường bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực ngành tài nguyên và môi trường, đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo đội ngũ cán bộ địa chính cấp xã có đủ trình độ, năng lực và đạo đức, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân. Có chính sách khuyến khích thu hút, trọng dụng nhân tài.

- Chủ động thu hồi đất theo kế hoạch có sử dụng đất, đẩy mạnh việc đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án.

3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện bổ sung kế hoạch sử dụng đất

Sau khi hồ sơ bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện sẽ chỉ đạo tổ chức thực hiện bổ sung các nội dung như sau:

3.1. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Căn cứ vào kế hoạch bố trí vốn trong năm 2022 để giải ngân kinh phí đúng thời hạn để thực hiện các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách.

3.2. Phòng Tài nguyên và Môi trường

Tham mưu UBND huyện thực hiện việc công bố, công khai việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Theo dõi tiến độ thực hiện các dự án trong kế hoạch sử dụng đất; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các thủ tục về đất đai theo đúng quy định; phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các thủ tục về đất đai cho các dự án.

3.3. Các Ban, ngành khác của huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

UBND các xã, thị trấn thực hiện công bố công khai các nội dung bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 theo quy định tại trụ sở UBND xã, thị trấn để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã được biết và thực hiện theo kế hoạch được duyệt.

4. Các giải pháp khác

4.1. Nhóm giải pháp về chính sách

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thường xuyên và tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật đất đai, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quyền lợi và nghĩa vụ của người sử dụng đất, thông qua đó tạo sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Có chính sách riêng trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư vào địa bàn huyện Cẩm Mỹ như: vốn trực tiếp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, vốn ứng trước của các đối tượng có nhu cầu sử dụng hạ tầng, hình thức tín dụng, đồng tài trợ của các tổ chức tín dụng, sử dụng quỹ đất để tạo vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thông qua cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng kế hoạch về vốn đầu tư có trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là phát triển kết cấu hạ tầng về giao thông, thủy lợi, văn hóa, y tế, giáo dục,...

- Ưu tiên thực hiện các dự án tái định cư, để ổn định đời sống của người dân có đất bị thu hồi. Có kế hoạch hỗ trợ về kinh phí, tư vấn và đào tạo nghề cho các đối tượng có đất bị thu hồi, để giúp người dân chuyển đổi ngành nghề phù hợp với nhu cầu lao động trong các khu công nghiệp và các lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề đối với người sử dụng đất trực tiếp sản xuất nông nghiệp có đất bị thu hồi, đặc biệt đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất sản xuất nông nghiệp thu hồi với diện tích lớn, phải chuyển đổi ngành nghề.

4.2. Giải pháp về nguồn lực, vốn đầu tư

- Có chính sách thu hút lao động có tay nghề đã qua đào tạo, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ; có kế hoạch đào tạo tay nghề cho lực lượng lao động tại địa phương thông qua thành lập các trường đào tạo nghề và các trung tâm dạy nghề chất lượng cao để đào tạo nguồn lao động; ưu tiên đào tạo nghề cho lao động tại nông thôn để dễ dàng chuyển đổi ngành nghề khi bị thu hồi đất.

- Tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư bên ngoài vào địa phương, việc thu hút đầu tư bên ngoài là rất quan trọng không chỉ là tạo vốn mà còn là cơ hội để đổi mới công nghệ, đào tạo cán bộ kỹ thuật và mở rộng thị trường sản xuất.

4.3. Giải pháp về khoa học, công nghệ

- Tăng cường đầu tư ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý và sử dụng đất như kỹ thuật công nghệ số trong thống kê, kiểm kê, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính; những tiến bộ sử dụng đất bảo đảm môi trường sinh thái, chống sạt lở, xói mòn đất, tiến bộ kỹ thuật trong xây dựng, trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp,... để sử dụng đất có hiệu quả.

- Có chính sách ưu tiên đi tắt, đón đầu các công nghệ tiên tiến, hiện đại trong đầu tư xây dựng cơ bản: kết cấu hạ tầng, công nghiệp, đô thị và xây dựng nông thôn hiện đại theo kiểu đô thị để tiến tới đô thị hóa.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Cẩm Mỹ được thực hiện theo đúng quy định của Luật đất đai năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được rà soát kỹ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo tính khả thi cao.

Trong tổng số 145 dự án sử dụng đất với tổng diện tích 709,40 ha đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thì chiếm phần lớn là những dự án đã triển khai dang dở từ những năm trước, cụ thể: có 128 dự án/694,26 ha tiếp tục thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đã được phê duyệt và 17 dự án/15,14 ha bổ sung mới, chủ yếu là các dự án như: đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo; đất xây dựng trụ sở cơ quan; đường giao thông, đất thủy lợi...

Các dự án đưa vào bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 để đảm bảo tiến độ thực hiện và hoàn thành các dự án trong năm kế hoạch cần phải phát huy tối đa hiệu quả các nguồn lực và lợi thế của huyện, đặc biệt là nguồn lực về vốn đầu tư và nhân lực, trong đó ưu tiên đầu tư, triển khai nhanh việc xây dựng các công trình trọng điểm trên địa bàn huyện kết hợp với những giải pháp mang tính đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế.

2. Kiến nghị

Sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Cẩm Mỹ có ý nghĩa quan trọng, là cầu nối kinh tế - xã hội giữa các huyện, thành phố; các vùng và các tỉnh trong khu vực. Vì vậy, để đáp ứng yêu cầu phát triển trên cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai, UBND huyện kiến nghị UBND tỉnh xem xét, sớm phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Cẩm Mỹ để làm căn cứ triển khai các dự án, đáp ứng kịp thời nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của địa phương./.

PHỤ LỤC
KÈM THEO BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022
HUYỆN CẨM MỸ

**DANH MỤC BIỂU BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022
HUYỆN CẨM MỸ**

Biểu	Tên biểu
Biểu 01/CH	Tình hình thực hiện các dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Cẩm Mỹ
Biểu 02/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Cẩm Mỹ
Biểu 03/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất hiện trạng của huyện Cẩm Mỹ
Biểu 03B/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất trong hồ sơ địa chính của huyện Cẩm Mỹ
Biểu 04/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 2022 huyện Cẩm Mỹ
Biểu 04B/CH	Danh mục các dự án cần thu hồi đất trong năm 2022 huyện Cẩm Mỹ
Biểu 05/CH	Danh mục các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Cẩm Mỹ
Biểu 06/CH	Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Cẩm Mỹ

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022
HUYỆN CẨM MỸ**

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN XONG				
1	Chùa Thiên Ân	Sông Ray	0,21	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
B. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐANG THỰC HIỆN				
1. Các công trình, dự án đã có Quyết định thu hồi đất				
2	Khu công nghiệp huyện Cẩm Mỹ	Thừa Đức	300,00	Đã có Quyết định thu hồi đất Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 20/01/2016 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v thu hồi đất của Công ty TTHH MTV Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai
3	Cụm Công nghiệp Long Giao	Long Giao, Xuân Đường	57,35	Đã thực hiện thu hồi đất, đang thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất
4	Đường Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây	Các xã	152,88	Đã có Quyết định thu hồi đất, hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, đang thi công
5	Đường Xuân Mỹ - Bảo Bình	Bảo Bình, Xuân Mỹ	7,20	Đã có Quyết định thu hồi đất (đất cao su). Đã có TB, KH thu hồi đất (đối với đất hộ gia đình, cá nhân). Đang lập thủ tục thu hồi đất.
6	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng, xã Sông Nhạn	Sông Nhạn	0,64	Đã có Quyết định thu hồi đất. Đã xây dựng đang thực hiện thủ tục đất đai Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư TTVH-HTCĐ xã Sông Nhạn Đã xây dựng đang thực hiện thủ tục đất đai
7	Trường MN Sông Ray (ấp 9)	Sông Ray	0,70	Đã có quyết định thu hồi đất. Quyết định số 5015/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc Thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Trường mầm non Sông Ray tại xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Đang lập hồ sơ giao đất
8	Tịnh xá Ngọc Bình	Bảo Bình	0,79	Đã có Quyết định thu hồi đất Quyết định số: 218/QĐ-UBND ngày 08/07/2019 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v thu hồi đất, thu hồi GCNQSDĐ, QSHNO&TSKGLVĐ đã cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng
9	Giáo xứ Gia Vinh	Lâm San	2,00	Đã có Quyết định thu hồi đất Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v thu hồi đất của ông Nguyễn Văn Khôi tại ấp 5, xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tự nguyện trả lại đất theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 65, Luật đất đai năm 2013
10	Chùa Hoàng Mai	Long Giao	0,08	Đã hoàn thành thủ tục đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
11	Giáo xứ Suối Cà	Xuân Đường	0,71	Đã có Quyết định thu hồi đất Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v thu hồi đất, thu hồi GCNQSDĐQSHNO&TSKGLVĐ đã cấp cho ông Hà Văn Chương tại thửa đất số 11, tờ bản đồ 28 (thửa đất số 147, tờ bản đồ 08 cũ), bản đồ địa chính xã Xuân Đường
12	Giáo xứ Xuân Tây	Xuân Tây	1,03	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang lập thủ tục giao đất
13	Giáo xứ Hồng Ân	Sông Ray	2,28	Đã có quyết định thu hồi đất. Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v thu hồi đất của hộ Nguyễn Văn Khẩu tại xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tự nguyện trả lại đất theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 65, khoản 2, Điều 106, Luật đất đai
14	Khu đất thương mại dịch vụ (đối diện TT văn hóa)	Long Giao	0,80	Đã có Quyết định thu hồi đất giao cho TTPTQĐ thực hiện đấu giá Quyết định số: 1377/QĐ-UBND ngày 20/04/2018 của UBND tỉnh V/v thu hồi đất do UBND xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ đang quản lý, giao cho TTPTQĐ tỉnh Đồng Nai quản lý, xây dựng phương án và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất
15	Khu thương mại dịch vụ Hương lộ 10 (Khu dịch vụ ngành viễn thông)	Long Giao	0,41	Đã được UBND Tỉnh Ban hành phương án đấu giá quyền sử dụng đất theo Quyết định số: 2681/QĐ- UBND ngày 28/08/2019.
16	Khu đất thương mại dịch vụ (giáp Bến xe huyện)	Long Giao	0,30	Đã có Quyết định thu hồi đất giao cho TTPTQĐ thực hiện đấu giá Quyết định số: 1377/QĐ-UBND ngày 20/04/2018 của UBND tỉnh V/v thu hồi đất do UBND xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ đang quản lý, giao cho TTPTQĐ tỉnh Đồng Nai quản lý, xây dựng phương án và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất
17	Khu dân cư phía Nam khu nhà ở xã hội	Long Giao	1,17	Đã có Quyết định thu hồi đất giao cho TTPTQĐ thực hiện đấu giá Quyết định số: 1377/QĐ-UBND ngày 20/04/2018 của UBND tỉnh V/v thu hồi đất do UBND xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ đang quản lý, giao cho TTPTQĐ tỉnh Đồng Nai quản lý, xây dựng phương án và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất
18	Khu dân cư số 1 (khu phía Nam)	Long Giao	0,85	Đưa vào Kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá
19	Khu đất đấu giá (thửa đất số 61 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao)	Long Giao	0,36	Đã có quyết định thu hồi Quyết định số: 697/QĐ- UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh
20	Khu đất đấu giá (thửa đất số 373 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao)	Long Giao	0,54	Đã có quyết định thu hồi Quyết định số: 698/QĐ- UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2. Các công trình, dự án đã có Thông báo thu hồi đất				
21	Hành lang đường Xuân Định - Lâm Sơn (Hành lang đường ĐT-765B phía trước chợ Bảo Bình)	Bảo Bình	0,08	Đã có Thông báo thu hồi đất, đang thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng
22	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Suối Sao	Lâm Sơn	0,76	Đã có Thông báo thu hồi đất Văn bản số 6531/UBND-KT ngày 11/6/2019 của UBND tỉnh V/v xử lý bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Suối Sao trên địa bàn xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ
23	Khu dân cư số 3 (Khu TT huyện)	Long Giao	6,29	Đã có Thông báo, KH thu hồi đất. Đang lập hồ sơ thu hồi đất (đối với phần diện tích đất của hộ gia đình, các nhân); Đưa vào Kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá (Đối với phần diện tích đất công)
3. Các công trình, dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư				
24	Trụ sở công an xã Xuân Bảo	Xuân Bảo	0,16	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019 Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ V/v chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019
25	Trụ sở công an Long Giao	Long Giao	0,20	Đã có hiện trạng, chưa hoàn tất thủ tục đất đai
26	Trụ sở công an xã Sông Ray	Sông Ray	0,28	Đã xây dựng trên diện tích đất công
27	Trụ sở công an xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,21	Đã xây dựng trên diện tích đất công
28	Trạm kinh doanh Xăng dầu Định Hường (ĐT-765 km 17 + 700m)	Sông Ray	0,19	Chủ đầu tư đang lập hồ sơ chủ trương đầu tư, nhưng chưa triển khai các bước tiếp theo do phải điều quy hoạch nông thôn mới
29	Trạm xăng dầu Linh Trang Phát	Long Giao	0,13	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư
30	Công ty TNHH Huy Minh	Xuân Tây	4,10	Chủ đầu tư đang lập hồ sơ chủ trương đầu tư, nhưng chưa triển khai các bước tiếp theo do đang điều quy hoạch nông thôn mới
31	Công ty TNHH Lê Hòe	Xuân Tây	2,69	Đã được UBND tỉnh chấp thuận cho phép lập chủ trương đầu tư tại Văn bản số 5151/UBND-CNN ngày 09/05/2019 của UBND tỉnh V/v hồ sơ thuê đất dự án đầu tư xây dựng xưởng gia công may mặc tại xã Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ của Công ty TNHH Lê Hòe
32	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Xuân Bảo - Bảo Bình	Bảo Bình, Xuân Bảo	0,08	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư. Quyết định số 2923/QĐ-UBND ngày 25/08/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh đối với Dự án xây dựng hệ thống cấp nước tập trung liên xã Xuân Bảo - Bảo Bình, huyện Cẩm Mỹ

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
33	Ban trị sự giáo hội phật giáo huyện Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,25	Đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đề nghị giao đất tôn giáo. Đất do UBND xã Nhân Nghĩa quản lý, đang lập hồ sơ giao đất Văn bản số: 12004/UBND-CNN ngày 07/11/2018 của UBND tỉnh V/v Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Cẩm Mỹ đề nghị giao đất tôn giáo
34	Giáo xứ Xuân Triệu (điểm Suối Râm)	Sông Nhạn	0,77	Đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương giao đất tôn giáo, đang lập hồ sơ giao đất Văn bản số: 3744/UBND-CNN ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh V/v Giáo xứ Xuân Triệu, huyện Cẩm Mỹ xin chủ trương giao đất tôn giáo Văn bản số: 2509/UBND-NL ngày 30/05/2019 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v Giáo xứ Xuân Triệu, huyện Cẩm Mỹ xin chủ trương giao đất tôn giáo
35	Giáo xứ Thừa Ân	Thừa Đức	0,45	Đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương giao đất tôn giáo, đang lập hồ sơ giao đất Văn bản số 371/UBND-KGVX ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai Giấy chứng nhận số 07/GCN-BTG ngày 20/8/2018 của Ban Tôn giáo tỉnh
36	Giao đất ở cho hộ gia đình cá nhân	Sông Ray	0,20	Đã được chấp thuận chủ trương, đưa vào kế hoạch để thực hiện giao đất
37	Khu đất thương mại dịch vụ (1 phần thửa 253 tờ 48 xã Long Giao)	Long Giao	0,08	Đưa vào Kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá
4. Các công trình, dự án đã có hiện trạng nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai				
38	Khu Sinh thái nghỉ dưỡng Năm Hồng	Bảo Bình	3,00	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
39	Cơ sở sản xuất hàng mỹ nghệ Đại Lợi	Xuân Đông	0,26	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
40	Cơ sở giết mổ tập trung	Xuân Quế	0,72	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
41	Hệ thống cấp nước khu vực Đồi 57	Long Giao	0,01	Dân hiến đất, đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
42	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng xã Xuân Mỹ	Xuân Mỹ	0,40	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
43	Công viên văn hóa Sông Ray	Xuân Tây	0,76	Đang làm thủ tục để thực hiện giao, cho thuê đất
44	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng xã Xuân Quế	Xuân Quế	0,50	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
45	Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,97	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
46	Trường THPT Cẩm Mỹ	Long Giao	2,05	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
47	Trường MN Sông Nhạn	Sông Nhạn	0,62	Đã xây dựng đang thực hiện thủ tục đất đai
48	Trường MN Hướng Dương, Phân hiệu áp 5	Sông Nhạn	0,10	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
49	Trường MN Tuổi Thơ (Phân hiệu áp 8)	Thừa Đức	0,30	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
50	Trường MN Xuân Bảo	Xuân Bảo	0,30	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
51	Trường MN Xuân Đông, PH Cọ Dầu	Xuân Đông	0,32	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
52	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc, PH Suối Lức	Xuân Đông	1,70	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
53	Trường TH Võ Thị Sáu	Xuân Đông	0,82	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
54	Trường THCS Nguyễn Trãi	Xuân Đông	1,19	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
55	Đường dây 110kV Xuân Lộc - Cẩm Mỹ và Trạm 110kV Cẩm Mỹ	Xuân Quế, Xuân Đường, Long Giao, Nhân Nghĩa	0,63	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
56	Giáo xứ Xuân Bảo	Bảo Bình	0,80	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
57	Giáo xứ Thiên Đức	Thừa Đức	1,55	Đã có Quyết định thu hồi đất, đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
58	Tịnh thất Viên An	Xuân Bảo	0,59	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
59	Chi hội Tin Lành Xuân Đông	Xuân Đông	0,20	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
60	Chùa Đa Bảo	Xuân Tây	0,06	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
61	Cộng đoàn Đaminh Thánh Thê Xuân Lộc - Xuân Đường	Xuân Đường	0,05	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch đã làm thủ tục đất đai
62	Chùa Hoàng Độ	Xuân Quế	0,20	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch đã làm thủ tục đất đai Giấy chứng nhận số 12/GCN-BTG ngày 27/06/2019 của Ban tôn giáo Công nhận cơ sở tôn giáo trực thuộc Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Nai
63	Thiền thất Lâm Tuyền	Sông Ray	0,30	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
64	Thiền thất Chơn Như	Sông Ray	0,70	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
65	Tịnh thất Bình An	Xuân Đông	0,15	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
66	Chùa Phước An 2	Xuân Tây	0,76	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
67	Chùa Tam Bảo	Xuân Tây	0,09	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
68	Chùa Liễu Quán Phước Điền	Xuân Tây	0,60	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
69	Chùa Định Quang	Xuân Tây	0,05	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
70	Chùa Thanh Lương	Xuân Tây	0,11	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
71	Tịnh thất Bảo Viên	Xuân Tây	0,02	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
72	Tịnh xá Ngọc Xuân	Xuân Tây	1,05	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
73	Trung tâm nhân đạo Làng Tre	Xuân Quế	2,98	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
74	Chợ Xuân Mỹ	Xuân Mỹ	0,74	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
75	Nhà văn hóa ấp Tân Bình xã Bảo Bình	Bảo Bình	0,05	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
76	Nhà văn hóa ấp Tân Hòa xã Bảo Bình	Bảo Bình	0,03	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
77	Nhà văn hóa ấp Tân Xuân (cũ) xã Bảo Bình	Bảo Bình	0,01	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
78	Nhà văn hóa ấp Tân Xuân xã Bảo Bình	Bảo Bình	0,06	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
79	Nhà văn hóa ấp 1 xã Lâm Sơn	Lâm Sơn	0,03	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
80	Nhà văn hóa ấp 2 xã Lâm Sơn	Lâm Sơn	0,06	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
81	Nhà văn hóa ấp 3 xã Lâm Sơn	Lâm Sơn	0,05	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
82	Nhà văn hóa ấp 6 xã Lâm Sơn	Lâm Sơn	0,04	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
83	Nhà văn hóa ấp Chính Nghĩa xã Nhân Nghĩa	Nhân Nghĩa	0,06	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
84	Nhà văn hóa ấp Duyên Lãng xã Nhân Nghĩa	Nhân Nghĩa	0,02	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
85	Nhà văn hóa ấp Tân Lập xã Nhân Nghĩa	Nhân Nghĩa	0,17	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
86	Nhà văn hóa ấp 3 xã Sông Nhạn	Sông Nhạn	0,06	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
87	Nhà văn hóa ấp 4 xã Sông Nhạn	Sông Nhạn	0,03	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
88	Nhà văn hóa ấp 5 xã Sông Ray	Sông Ray	0,01	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
89	Nhà văn hóa ấp 6 xã Sông Ray	Sông Ray	0,06	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
90	Nhà văn hóa ấp 8 xã Sông Ray	Sông Ray	0,02	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
91	Nhà văn hóa ấp La Hoa xã Xuân Đông	Xuân Đông	0,05	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
92	Nhà văn hóa ấp Láng Me 1 xã Xuân Đông	Xuân Đông	0,02	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
93	Nhà văn hóa ấp Láng Me 2 xã Xuân Đông	Xuân Đông	0,05	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
94	Nhà văn hóa ấp Suối Nhát xã Xuân Đông	Xuân Đông	0,04	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
95	Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm (cũ) xã Xuân Mỹ	Xuân Mỹ	0,05	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
96	Nhà văn hóa ấp Suối Râm xã Xuân Quế	Xuân Quế	0,05	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
97	Nhà văn hóa ấp 2 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,01	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
98	Nhà văn hóa ấp 6 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,04	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
99	Nhà văn hóa ấp 8 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,02	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
100	Nhà văn hóa ấp 11 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,13	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
101	Nhà văn hóa ấp 12 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,06	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
102	Khu tái định cư xã Xuân Quế	Xuân Quế	1,00	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để giao đất ĐC và đấu giá QSDĐ
103	Trụ sở UBND xã Xuân Đông	Xuân Đông	0,72	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
104	Nhà công vụ giáo viên (UBND xã quản lý)	Xuân Đông	0,09	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
105	Nhà tập thể giáo viên ấp Cẩm Sơn (UBND xã quản lý)	Xuân Mỹ	0,04	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
106	Trụ sở UBND xã Xuân Tây	Xuân Tây	1,01	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
107	Cộng đoàn Mẹ Vô Nhiễm (thuộc Dòng Nữ Tỳ Chúa Giêsu Linh Mục)	Nhân Nghĩa	0,96	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
108	Cộng đoàn Mến Thánh Giá Tân Việt Nam Hà (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Tân Việt)	Xuân Bảo	0,27	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
109	Tu viện Mến Thánh Giá Gò Vấp - Xuân Quế (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Gò Vấp)	Xuân Quế	0,06	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
C. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHƯA THỰC HIỆN				
110	Công trình phòng thủ địa phương	Long Giao	10,00	Chủ đầu tư đăng ký kế hoạch nhưng chưa triển khai thực hiện
111	Bãi xử lý vật liệu nổ kho 862	Xuân Mỹ	36,00	Chủ đầu tư đăng ký kế hoạch nhưng chưa triển khai thực hiện
112	Mở rộng trường bản Cam Tiêm	Long Giao	18,89	Sư đoàn 302 đăng ký nhu cầu nhưng chưa triển khai thực hiện
113	Nhà tạm giữ Công an huyện	Long Giao	5,00	Chủ đầu tư đăng ký kế hoạch nhưng chưa triển khai thực hiện
114	Xây dựng nhà lực lượng Công an xã Lâm San	Lâm San	0,23	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư. Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 29/09/2019 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng nhà lực lượng Công an xã Lâm San Địa điểm: xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. chưa triển khai thực hiện
115	Trụ sở công an xã Bảo Bình	Bảo Bình	0,11	Đã được bố trí vốn, nhưng chưa triển khai thực hiện
116	Trụ sở công an xã Nhân Nghĩa	Nhân Nghĩa	0,17	Đã được bố trí vốn, nhưng chưa triển khai thực hiện

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
117	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Lâm Sơn, Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Tây	Lâm Sơn, Sông Ray	0,37	Chưa thực hiện
118	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Xuân Đông	1,10	Đã được chấp thuận chủ trương tại Văn bản số 9760/UBND-CNN ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh: V/v thỏa thuận vị trí Trạm biến áp 110kV Xuân Đông và hướng tuyến đường dây đầu nối nhưng chưa triển khai thực hiện
119	Nghĩa địa áp Lò Than	Bảo Bình	0,30	Nhu cầu cấp bách để phục vụ nhu cầu chôn cất tại địa bàn (dân hiến đất)
120	Khu dân cư - Công ty Bưu Long	Sông Ray	0,50	Chủ đầu tư đăng ký nhưng chưa triển khai thực hiện
121	Khu sản xuất phi nông nghiệp	Nhân Nghĩa	4,98	Đất công do UBND xã Nhân Nghĩa quản lý, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá
122	Khu dân cư số 1 còn lại	Long Giao	22,30	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Cẩm Mỹ đăng ký KHSDD Đề xuất xin chủ trương đấu giá nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện
123	Nâng cấp mở rộng đường áp 3 Lâm Sơn đi Quảng Thành	Lâm Sơn	14,59	Chưa thực hiện
124	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại	Sông Nhạn	0,40	Chưa thực hiện
125	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,20	Chưa thực hiện
126	Khu đất đấu giá (một phần thửa đất số 23 tờ bản đồ số 10 thị trấn Long Giao)	Long Giao	0,08	Chưa thực hiện
127	Khu đất đấu giá (thửa đất số 101 tờ bản đồ số 42 xã Sông Ray)	Sông Ray	0,07	Chưa thực hiện
128	Khu đất đấu giá (thửa đất số 41, 59, 60 tờ bản đồ số 56 xã Sông Nhạn)	Sông Nhạn	0,67	Chưa thực hiện

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN CẨM MỸ

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
				Bảo Bình	Lâm Sơn	Thị trấn Long Giao	Nhân Nghĩa	Sông Nhạn	Sông Ray	Thừa Đức	Xuân Bảo	Xuân Đông	Xuân Đường	Xuân Mỹ	Xuân Quế	Xuân Tây
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		46.257,71	3.565,38	3.246,99	3.377,61	1.630,03	4.787,75	3.313,24	2.989,93	2.143,87	4.947,77	3.712,86	2.740,55	4.502,99	5.298,74
1	Đất nông nghiệp	NNP	40.721,08	3.304,32	2.522,11	2.777,07	1.484,86	4.357,36	2.894,57	2.176,15	1.856,20	4.462,07	3.326,01	2.467,88	4.280,16	4.812,32
	<i>Trong đó:</i>															
1.1	Đất trồng lúa	LUA	755,54	-	35,39	-	-	171,06	449,99	12,85	9,00	57,74	-	-	-	19,51
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>472,33</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>34,80</i>	<i>421,63</i>	<i>12,85</i>	<i>-</i>	<i>3,05</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4.810,99	168,32	146,54	25,09	24,32	328,66	444,42	65,97	213,43	2.502,68	9,60	2,22	3,39	876,35
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	34.347,33	3.118,72	2.291,26	2.748,20	1.437,86	3.823,50	1.872,41	2.042,61	1.616,70	1.596,01	3.313,84	2.451,65	4.272,82	3.761,75
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	37,66	-	-	-	-	-	-	37,66	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	345,38	0,58	31,76	0,06	0,06	26,66	83,15	14,59	12,70	79,75	0,16	-	-	95,91
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	424,18	16,70	17,16	3,72	22,62	7,48	44,60	2,47	4,37	225,89	2,41	14,01	3,95	58,80
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.534,75	261,06	724,88	600,54	145,17	430,39	418,67	813,78	287,67	483,82	386,85	272,67	222,83	486,42
2.1	Đất quốc phòng	CQP	429,72	-	-	288,62	-	88,74	-	-	-	-	-	36,00	-	16,36
2.2	Đất an ninh	CAN	45,54	0,11	0,23	10,11	0,17	-	34,35	-	0,16	-	-	0,20	-	0,21
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	300,00	-	-	-	-	-	-	300,00	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	57,35	-	-	35,35	-	-	-	-	-	-	22,00	-	-	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	32,79	0,14	0,58	12,68	0,25	0,26	1,88	0,53	0,10	2,10	2,86	3,95	6,16	1,30
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	57,99	0,72	0,30	4,08	7,05	0,38	3,40	0,65	1,44	6,36	1,93	16,58	2,30	12,80
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	3,27	-	-	-	-	0,90	-	-	-	0,17	-	-	2,20	-
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.130,79	101,72	95,32	127,94	71,73	230,76	125,07	433,76	115,14	151,84	301,48	102,99	109,51	163,53
	<i>Trong đó:</i>															
-	Đất giao thông	DGT	1.240,81	88,37	79,75	103,56	61,54	207,80	88,58	44,45	100,29	105,52	65,22	62,81	95,75	137,17
-	Đất thủy lợi	DTL	428,88	1,13	2,34	0,26	0,84	3,96	17,92	371,26	4,99	19,61	1,72	0,40	1,01	3,44
-	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	12,35	0,32	0,92	5,07	0,90	0,64	0,73	0,36	0,76	-	0,03	0,39	0,50	1,73
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,59	0,11	0,11	3,49	0,44	0,11	0,43	-	0,11	0,18	0,08	0,26	0,08	0,19
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	68,46	5,22	3,06	7,58	3,90	3,31	6,92	2,31	3,29	10,19	3,33	4,16	3,61	11,58
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	14,00	1,30	0,98	1,59	-	1,59	-	1,50	-	-	1,99	3,68	1,37	-
-	Đất công trình năng lượng	DNL	3,04	-	-	0,10	0,06	0,08	-	0,31	-	1,10	0,94	-	0,42	0,03
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	2,10	0,05	0,03	0,83	0,14	0,15	0,06	0,11	-	0,22	0,06	0,05	0,15	0,25
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,18	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,18	-	-
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	21,25	1,31	-	-	0,05	-	-	-	-	-	-	19,89	-	-
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	35,79	1,90	3,21	0,63	2,53	4,37	2,95	6,31	2,39	1,72	1,08	2,21	1,79	4,70
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	73,77	1,63	4,73	2,02	1,14	8,75	5,76	7,10	2,88	12,92	13,48	8,22	1,55	3,59

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
				Bảo Bình	Lâm Sơn	Thị trấn Long Giao	Nhân Nghĩa	Sông Nhạn	Sông Ray	Thừa Đức	Xuân Bảo	Xuân Đông	Xuân Đường	Xuân Mỹ	Xuân Quế	Xuân Tây
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
-	Đất cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	213,52	-	-	-	-	-	-	-	-	-	213,52	-	-	-
-	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	2,98	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,98	-
-	Đất chợ	DCH	6,64	0,38	0,19	1,38	0,19	-	1,72	0,05	0,43	0,38	0,03	0,74	0,30	0,85
-	Đất hạ tầng khác	DHK	1,43	-	-	1,43	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	8,52	1,00	0,28	1,15	0,25	0,28	1,14	1,01	0,06	0,37	0,83	0,24	1,05	0,86
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1,34	-	0,07	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,27
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.207,36	117,50	84,78	-	55,18	63,52	157,68	51,56	91,07	207,19	36,24	86,54	60,09	196,01
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	82,09	-	-	82,09	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,43	0,57	0,24	10,64	0,43	0,94	0,44	0,85	0,22	0,89	0,50	0,35	1,56	0,80
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,24	-	-	0,98	0,20	-	0,05	-	-	0,01	-	-	-	-
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	3,89	1,30	0,45	0,02	0,09	0,03	0,12	-	1,08	-	-	0,52	0,02	0,26
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	488,20	38,00	18,92	26,88	9,82	44,58	46,95	25,42	13,35	114,89	21,01	25,30	39,94	63,14
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	666,23	-	523,71	-	-	-	47,59	-	65,05	-	-	-	-	29,88
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1,88	-	-	-	-	-	-	-	-	1,88	-	-	-	-
4	Đất đô thị	KDT	3.377,61	-	-	3.377,61	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính diện tích tự nhiên

Biểu 03/CH

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 THEO LOẠI ĐẤT HIỆN TRẠNG CỦA HUYỆN CẨM MỸ

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính					
				Bảo Bình	Lâm Sơn	Thị trấn Long Giao	Nhân Nghĩa	Sông Nhạn	Sông Ray
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	512,32	4,56	12,58	98,86	6,03	4,22	5,66
	<i>Trong đó:</i>								
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	13,44	0,20	0,60	2,61	0,10	0,50	2,56
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	498,88	4,36	11,98	96,25	5,93	3,72	3,10
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		53,91	5,00	8,00	-	-	-	10,00
	<i>Trong đó:</i>								
2.1	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	1,00	-	-	-	-	-	-
2.2	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nông nghiệp khác	HNK/NKH	34,91	2,00	5,00	-	-	-	7,00
2.3	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	CLN/NKH	18,00	3,00	3,00	-	-	-	3,00
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,50	-	-	-	-	-	0,50

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

Biểu 03/CH**KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 THEO LOẠI ĐẤT HIỆN TRẠNG CỦA HUYỆN CẨM MỸ**

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
			Thừa Đức	Xuân Bảo	Xuân Đông	Xuân Đường	Xuân Mỹ	Xuân Quế	Xuân Tây
(1)	(2)	(3)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	301,59	1,20	5,60	22,70	39,14	1,70	8,48
	<i>Trong đó:</i>								
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	0,50	0,30	4,42	0,20	0,20	0,20	1,05
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	301,09	0,90	1,18	22,50	38,94	1,50	7,43
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		-	1,00	16,91	-	5,00	-	8,00
	<i>Trong đó:</i>								
2.1	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	-	1,00	-	-	-	-	-
2.2	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nông nghiệp khác	HNK/NKH	-	-	13,91	-	2,00	-	5,00
2.3	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	CLN/NKH	-	-	3,00	-	3,00	-	3,00
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

**KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022
THEO LOẠI ĐẤT TRONG HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH CỦA HUYỆN CẨM MỸ**

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính					
				Bảo Bình	Lâm Sơn	Thị trấn Long Giao	Nhân Nghĩa	Sông Nhạn	Sông Ray
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	519,95	4,56	12,78	98,87	6,99	4,72	7,19
	<i>Trong đó:</i>								
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	4,08	-	0,50	-	-	0,50	0,60
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	12,53	0,20	0,60	2,61	0,10	0,50	2,56
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	503,34	4,36	11,68	96,26	6,89	3,72	4,03
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		85,91	5,00	11,00	-	-	6,80	14,00
	<i>Trong đó:</i>								
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	30,00	-	3,00	-	-	6,80	4,00
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	2,00	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác	LUA/NKH	15,00	-	3,00	-	-	-	5,00
2.4	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	1,00	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nông nghiệp khác	HNK/NKH	19,91	2,00	2,00	-	-	-	2,00
2.6	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	CLN/NKH	18,00	3,00	3,00	-	-	-	3,00
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,50	-	-	-	-	-	0,50

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

**KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022
THEO LOẠI ĐẤT TRONG HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH CỦA HUYỆN CẨM MỸ**

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
			Thừa Đức	Xuân Bảo	Xuân Đông	Xuân Đường	Xuân Mỹ	Xuân Quế	Xuân Tây
(1)	(2)	(3)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	301,89	1,47	6,62	22,72	39,14	1,90	11,10
	<i>Trong đó:</i>								
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	-	-	1,43	-	-	-	1,05
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	0,50	0,30	3,86	0,20	0,20	0,20	0,70
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	301,39	1,17	1,33	22,52	38,94	1,70	9,35
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		1,00	5,00	21,91	-	5,00	2,20	14,00
	<i>Trong đó:</i>								
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	1,00	3,00	5,00	-	-	2,20	5,00
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	-	1,00	-	-	-	-	1,00
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác	LUA/NKH	-	-	4,00	-	-	-	3,00
2.4	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	-	1,00	-	-	-	-	-
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nông nghiệp khác	HNK/NKH	-	-	9,91	-	2,00	-	2,00
2.6	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	CLN/NKH	-	-	3,00	-	3,00	-	3,00
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất
- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN CẨM MỸ

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính					
				Bảo Bình	Lâm Sơn	Thị trấn Long Giao	Nhân Nghĩa	Sông Nhạn	Sông Ray
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	TỔNG CỘNG		100,52	0,61	10,59	35,16	1,33	1,85	5,22
1	Đất nông nghiệp	NNP	98,14	0,50	10,30	34,93	1,16	1,85	4,94
	<i>Trong đó:</i>								
1.1	Đất trồng lúa	LUA	0,73	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4,57	-	-	2,00	-	-	1,96
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	92,84	0,50	10,30	32,93	1,16	1,85	2,98
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2,38	0,11	0,29	0,23	0,17	-	0,28
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,26	-	-	-	-	-	-
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,84	-	0,28	-	-	-	-
	<i>Trong đó:</i>								
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	DVH	0,12	-	-	-	-	-	-
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	DYT	0,08	-	-	-	-	-	-
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	DGD	0,63	-	0,28	-	-	-	-
-	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	DBV	0,01	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,01	-	0,01	-	-	-	-
2.4	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,12	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất ở tại đô thị	ODT	0,03	-	-	0,03	-	-	-
2.6	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,12	0,11	-	0,20	0,17	-	0,28
3	Đất chưa sử dụng	CSD	-	-	-	-	-	-	-

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN CẨM MỸ

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
			Thừa Đức	Xuân Bảo	Xuân Đông	Xuân Đường	Xuân Mỹ	Xuân Quế	Xuân Tây
(1)	(2)	(3)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
	TỔNG CỘNG		1,12	0,73	1,76	0,05	36,32	1,26	4,52
1	Đất nông nghiệp	NNP	0,89	0,57	1,47	0,02	36,00	1,20	4,31
	<i>Trong đó:</i>								
1.1	Đất trồng lúa	LUA	-	-	0,73	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	-	-	0,41	-	-	-	0,20
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,89	0,57	0,33	0,02	36,00	1,20	4,11
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	0,23	0,16	0,29	0,03	0,32	0,06	0,21
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	-	-	0,26	-	-	-	-
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,08	0,16	-	-	0,32	-	-
	<i>Trong đó:</i>								
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	DVH	-	-	-	-	0,12	-	-
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	DYT	0,08	-	-	-	-	-	-
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	DGD	-	0,15	-	-	0,20	-	-
-	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	DBV	-	0,01	-	-	-	-	-
2.3	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	0,03	0,03	-	0,06	-
2.5	Đất ở tại đô thị	ODT	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,15	-	-	-	-	-	0,21
3	Đất chưa sử dụng	CSD	-	-	-	-	-	-	-

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2022 HUYỆN CẨM MỸ

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	1) Thu hồi theo Điều 61 Luật Đất đai năm 2013		71,25	65,95	
1	Công trình phòng thủ địa phương	Long Giao	10,00	10,00	Văn bản số 631/BCH-TM ngày 19/07/2019 của Ban chỉ huy quân sự huyện Cẩm Mỹ V/v bổ sung quy hoạch đất quốc phòng trên địa bàn huyện
2	Bãi xử lý vật liệu nổ kho 862	Xuân Mỹ	36,00	36,00	Quyết định số 936/QĐ-TM ngày 23/06/2017 của Bộ tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam về việc Quy hoạch vị trí đóng quân bãi hủy đạn và xử lý vật liệu nổ kho 862.
3	Mở rộng trường bán Cam Tiêm	Long Giao	18,89	13,59	Theo đề nghị về nhu cầu sử dụng đất của Sư đoàn 302 tại Văn bản số 1604/SĐ-TM ngày 08/12/2020
4	Nhà tạm giữ Công an huyện	Long Giao	5,00	5,00	Văn bản số 2098/CAT-PH10 ngày 21/9/2018 của Công an tỉnh Đồng Nai về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2019.
5	Xây dựng nhà lực lượng Công an xã Lâm San	Lâm San	0,23	0,23	Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 13/09/2019 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 - 2020
6	Trụ sở công an xã Xuân Bảo	Xuân Bảo	0,16	0,16	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ V/v chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019
7	Trụ sở công an xã Bảo Bình	Bảo Bình	0,11	0,11	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ
8	Trụ sở công an Long Giao	Long Giao	0,20	0,20	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất
9	Trụ sở công an xã Nhân Nghĩa	Nhân Nghĩa	0,17	0,17	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ
10	Trụ sở công an xã Sông Ray	Sông Ray	0,28	0,28	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
11	Trụ sở công an xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,21	0,21	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về chi tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ
	3) Dự án thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 - Luật Đất đai 2013		32,11	27,58	
	a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương		4,37	4,37	
12	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,20	0,20	Văn bản số 8442/UBND-KTNS ngày 21/07/2021 của UBND tỉnh về chủ trương sửa chữa trạm Chăn nuôi và Thú ý huyện Xuân Lộc và xây dựng mới trụ sở làm việc các trạm CNTY huyện: Cẩm Mỹ, Long Thành, Thống Nhất
13	Xây dựng mới trụ sở làm việc công an xã Xuân Mỹ	Xuân Mỹ	0,20	0,20	Quyết định số:2936/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Xuân Mỹ
14	Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng Trường Tiểu học Bảo Bình	Bảo Bình	0,20	0,20	Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng trường Tiểu học Bảo Bình
15	Xây dựng trường mầm non Sông Ray (phân hiệu áp 1)	Sông Ray	0,69	0,69	Quyết định số 1067-UBND ngày 19/08/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 05/08/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ
16	Xây dựng trường mầm non Xuân Bảo (phân hiệu)	Xuân Bảo	0,30	0,30	Quyết định số 2939/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
17	Xây dựng trường mầm non Xuân Đông (phân hiệu áp Bể Bạc)	Xuân Đông	0,26	0,26	Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 09/07/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng trường mầm non Xuân Đông (phân hiệu áp Bể Bạc)

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
18	Trường TH Võ Thị Sáu (mở rộng)	Xuân Đông	0,05	0,05	Thông báo số 6263/TB-UBND-TCĐ ngày 03/06/2020 về Kết quả tiếp công dân Mạc Văn Tương, Nguyễn Thị Gon của Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi tiếp công dân ngày 27/05/2020
19	Trường Tiểu học Xuân Mỹ (mở rộng)	Xuân Mỹ	0,12	0,12	Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng trường Tiểu học Xuân Mỹ
20	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Sông Nhạn	Sông Nhạn	0,68	0,68	Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
21	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Thừa Đức	Thừa Đức	0,67	0,67	Quyết định số 2937/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
22	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Xuân Quế	Xuân Quế	1,00	1,00	Quyết định số 2933/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
	b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải		21,45	16,92	
23	Hệ thống cấp nước khu vực Đồi 57	Long Giao	0,01	0,01	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
24	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Lâm San, Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Tây	Lâm San, Sông Ray	0,37	0,37	Văn bản số 7354/UBND-KT ngày 28/06/2019 của UBND tỉnh V/v chủ trương đầu tư một số dự án hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ
25	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Xuân Đông	1,10	1,10	Văn bản số 9760/UBND-CNN ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh: V/v thỏa thuận vị trí Trạm biến áp 110kV Xuân Đông và hướng tuyến đường dây đầu nối
26	Nâng cấp mở rộng đường áp 3 Lâm San đi Quảng Thành	Lâm San	14,59	10,06	Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nâng cấp đường áp 3 - Quảng Thành Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 04/11/2021 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công (đợt 2) trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
27	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại	Sông Nhạn	0,40	0,40	Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh 2019 Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 14/06/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt dự án Xây dựng đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại qua địa bàn huyện Thống Nhất
28	Đường nội đồng công 7 cửa đi ấp 1, ấp 2, ấp 3 xã Sông Ray	Sông Ray	1,80	1,80	Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường nội đồng công 7 cửa đi ấp 1, ấp 2, ấp 3 xã Sông Ray
29	Đường nội ô ấp 1 đi ấp 5, ấp 6 xã Sông Ray	Sông Ray	0,66	0,66	Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường nội ô ấp 1, ấp 5 xã Sông Ray
30	Đường Nội đồng ấp 2, Xuân Tây	Xuân Tây	1,80	1,80	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ
31	Mương tiêu ấp 10, xã Sông Ray	Sông Ray	0,72	0,72	Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
	c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng		-	-	
	d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng		6,29	6,29	

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
32	Khu dân cư số 3 (Khu TT huyện)	Long Giao	6,29	6,29	Đã có Thông báo, KH thu hồi đất. Đang lập hồ sơ thu hồi đất (đối với phần diện tích đất của hộ gia đình, các nhân); Đưa vào Kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá (Đối với phần diện tích đất công)
4) Dự án thu hồi đất theo khoản 1, khoản 2 Điều 65 - Luật Đất đai 2013			7,16	6,99	
33	Nghĩa địa ấp Lò Than	Bảo Bình	0,30	0,30	Nhu cầu cấp bách để phục vụ nhu cầu chôn cất tại địa bàn (dân hiến đất)
34	Giáo xứ Thừa Ân	Thừa Đức	0,45	0,45	Văn bản số 371/UBND-KGVX ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai Giấy chứng nhận số 07/GCN-BTG ngày 20/8/2018 của Ban Tôn giáo tỉnh
35	Cộng đoàn Đaminh Thánh Thể Xuân Lộc - Xuân Đường	Xuân Đường	0,05	0,05	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
36	Giáo xứ Xuân Triệu (cơ sở Thiên Phúc)	Sông Nhạn	0,77	0,77	Văn bản số: 3744/UBND-CNN ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh V/v Giáo xứ Xuân Triệu, huyện Cẩm Mỹ xin chủ trương giao đất tôn giáo Văn bản số: 2509/UBND-NL ngày 30/05/2019 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v Giáo xứ Xuân Triệu, huyện Cẩm Mỹ xin chủ trương giao đất tôn giáo
37	Chi hội Tin Lành Xuân Đông	Xuân Đông	0,20	0,20	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
38	Chùa Hoằng Độ	Xuân Quế	0,20	0,20	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
39	Tịnh thất Lâm Tuyền	Sông Ray	0,30	0,30	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
40	Thiền thất Chơn Như	Sông Ray	0,70	0,70	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
41	Tịnh thất Bình An	Xuân Đông	0,15	0,15	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
42	Chùa Phước An 2	Xuân Tây	0,76	0,59	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
43	Chùa Tam Bảo	Xuân Tây	0,09	0,09	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
44	Chùa Liễu Quán Phước Điền	Xuân Tây	0,60	0,60	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
45	Chùa Định Quang	Xuân Tây	0,05	0,05	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
46	Chùa Thanh Lương	Xuân Tây	0,11	0,11	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
47	Tịnh thất Bảo Viên	Xuân Tây	0,02	0,02	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
48	Tịnh xá Ngọc Xuân	Xuân Tây	1,05	1,05	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
49	Cộng đoàn Mẹ Vô Nhiễm (thuộc Dòng Nữ Tỳ Chúa Giêsu Linh Mục)	Nhân Nghĩa	0,96	0,96	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
50	Cộng đoàn Mến Thánh Giá Tân Việt Nam Hà (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Tân Việt)	Xuân Bảo	0,27	0,27	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
51	Tu viện Mến Thánh Giá Gò Vấp - Xuân Quế (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Gò Vấp)	Xuân Quế	0,06	0,06	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
52	Giáo xứ Hoàn Quân (mở rộng)	Long Giao	0,07	0,07	Nhu cầu giao đất cơ sở tôn giáo, mở rộng diện tích phục vụ sinh hoạt tôn giáo của quần chúng tín đồ

Biểu 05/CH

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022
HUYỆN CẨM MỸ**

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (xã, thị trấn)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH				
1.1. Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh				
a. Đất quốc phòng				
1	Công trình phòng thủ địa phương	10,00	Long Giao	Chuyển tiếp
2	Bãi xử lý vật liệu nổ kho 862	36,00	Xuân Mỹ	Chuyển tiếp
3	Mở rộng trường bắn Cam Tiêm	18,89	Long Giao	Chuyển tiếp
b. Đất an ninh				
4	Nhà tạm giữ Công an huyện	5,00	Long Giao	Chuyển tiếp
5	Xây dựng nhà lực lượng Công an xã Lâm San	0,23	Lâm San	Chuyển tiếp
6	Trụ sở công an xã Xuân Bảo	0,16	Xuân Bảo	Chuyển tiếp
7	Trụ sở công an xã Bảo Bình	0,11	Bảo Bình	Chuyển tiếp
8	Trụ sở công an Long Giao	0,20	Long Giao	Chuyển tiếp
9	Trụ sở công an xã Nhân Nghĩa	0,17	Nhân Nghĩa	Chuyển tiếp
10	Trụ sở công an xã Sông Ray	0,28	Sông Ray	Chuyển tiếp
11	Trụ sở công an xã Xuân Tây	0,21	Xuân Tây	Chuyển tiếp
12	Xây dựng mới trụ sở làm việc công an xã Xuân Mỹ	0,20	Xuân Mỹ	Bổ sung
1.2. Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng				
1.2.1. Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất				
* Đất khu công nghiệp				
13	Khu công nghiệp huyện Cẩm Mỹ	300,00	Thừa Đức	Chuyển tiếp
* Đất giao thông				
14	Đường Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây	152,88	Các xã	Chuyển tiếp
2. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÒN LẠI				
2.1. Các công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất				
a. Đất cụm công nghiệp				
15	Cụm Công nghiệp Long Giao	57,35	Long Giao, Xuân Đường	Chuyển tiếp
b. Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã				
* Đất giao thông				
16	Đường Xuân Mỹ - Bảo Bình	7,20	Bảo Bình, Xuân Mỹ	Chuyển tiếp
17	Hành lang đường Xuân Định - Lâm San (Hành lang đường ĐT-765B phía trước chợ Bảo Bình)	0,08	Bảo Bình	Chuyển tiếp
18	Nâng cấp mở rộng đường ấp 3 Lâm San đi Quảng Thành	14,59	Lâm San	Chuyển tiếp
19	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại	0,40	Sông Nhạn	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (xã, thị trấn)	Ghi chú
20	Đường nội đồng công 7 cửa đi ấp 1, ấp 2, ấp 3 xã Sông Ray	1,80	Sông Ray	Bổ sung
21	Đường nội ô ấp 1 đi ấp 5, ấp 6 xã Sông Ray	0,66	Sông Ray	Bổ sung
22	Đường Nội đồng ấp 2, Xuân Tây	1,80	Xuân Tây	Bổ sung
	* Đất thủy lợi			
23	Hệ thống cấp nước khu vực Đồi 57	0,01	Long Giao	Chuyển tiếp
24	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Lâm San, Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Tây	0,37	Lâm San, Sông Ray	Chuyển tiếp
25	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Suối Sao	0,76	Lâm San	Chuyển tiếp
26	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Xuân Bảo - Bảo Bình	0,08	Bảo Bình, Xuân Bảo	Chuyển tiếp
27	Mương tiêu ấp 10, xã Sông Ray	0,72	Sông Ray	Bổ sung
	* Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo			
28	Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng Trường Tiểu học Bảo Bình	0,20	Bảo Bình	Bổ sung
29	Xây dựng trường mầm non Sông Ray (phân hiệu ấp 1)	0,69	Sông Ray	Bổ sung
30	Xây dựng trường mầm non Xuân Bảo (phân hiệu)	0,30	Xuân Bảo	Bổ sung
31	Xây dựng trường mầm non Xuân Đông (phân hiệu ấp Bể Bạc)	0,26	Xuân Đông	Bổ sung
32	Trường TH Võ Thị Sáu (mở rộng)	0,05	Xuân Đông	Bổ sung
33	Trường Tiểu học Xuân Mỹ (mở rộng)	0,12	Xuân Mỹ	Bổ sung
	* Đất công trình năng lượng			
34	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đấu nối	1,10	Xuân Đông	Chuyển tiếp
	c. Đất xây dựng trụ sở cơ quan			
35	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Sông Nhạn	0,68	Sông Nhạn	Bổ sung
36	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Thừa Đức	0,67	Thừa Đức	Bổ sung
37	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Xuân Quế	1,00	Xuân Quế	Bổ sung
	d. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp			
38	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Cẩm Mỹ	0,20	Nhân Nghĩa	Chuyển tiếp
	2.2. Các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất			
	a. Đất thương mại dịch vụ			
39	Trạm kinh doanh Xăng dầu Định Hường (ĐT-765 km 17 + 700m)	0,19	Sông Ray	Chuyển tiếp
40	Khu Sinh thái nghỉ dưỡng Năm Hồng	3,00	Bảo Bình	Chuyển tiếp
41	Trạm xăng dầu Linh Trang Phát	0,13	Long Giao	Chuyển tiếp
	b. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			
42	Công ty TNHH Huy Minh	4,10	Xuân Tây	Chuyển tiếp
43	Công ty TNHH Lê Hòe	2,69	Xuân Tây	Chuyển tiếp
44	Cơ sở sản xuất hàng mỹ nghệ Đại Lợi	0,26	Xuân Đông	Chuyển tiếp
45	Cơ sở giết mổ tập trung	0,72	Xuân Quế	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (xã, thị trấn)	Ghi chú
46	Nhà máy sản xuất các loại phân bón hữu cơ	3,01	Xuân Đông	Bổ sung
	c. Đất ở tại nông thôn			
47	Giao đất ở cho hộ gia đình cá nhân	0,20	Sông Ray	Chuyển tiếp
48	Khu dân cư - Công ty Bửu Long	0,50	Sông Ray	Chuyển tiếp
	2.3. Các khu vực sử dụng đất khác			
	a. Đất thương mại dịch vụ			
49	Khu đất thương mại dịch vụ (1 phần thửa 253 tờ 48 TT. Long Giao)	0,08	Long Giao	Chuyển tiếp
50	Khu đất thương mại dịch vụ (đổi diện TT văn hóa)	0,80	Long Giao	Chuyển tiếp
51	Khu thương mại dịch vụ Hương lộ 10 (Khu dịch vụ ngành viễn thông)	0,41	Long Giao	Chuyển tiếp
52	Khu đất thương mại dịch vụ (giáp Bến xe huyện)	0,30	Long Giao	Chuyển tiếp
53	Khu đất đấu giá (thửa đất số 61 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao)	0,36	Long Giao	Chuyển tiếp
54	Khu đất đấu giá (thửa đất số 373 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao)	0,54	Long Giao	Chuyển tiếp
	b. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			
55	Khu sản xuất phi nông nghiệp	4,98	Nhân Nghĩa	Chuyển tiếp
	c. Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã			
	* Đất cơ sở văn hóa			
56	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng, xã Sông Nhạn	0,64	Sông Nhạn	Chuyển tiếp
57	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng xã Xuân Mỹ	0,40	Xuân Mỹ	Chuyển tiếp
58	Công viên văn hóa Sông Ray	0,76	Xuân Tây	Chuyển tiếp
59	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng xã Xuân Quế	0,50	Xuân Quế	Chuyển tiếp
60	Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng xã Xuân Tây	0,97	Xuân Tây	Chuyển tiếp
	* Đất cơ sở giáo dục			
61	Trường THPT Cẩm Mỹ	2,05	Long Giao	Chuyển tiếp
62	Trường MN Sông Nhạn	0,62	Sông Nhạn	Chuyển tiếp
63	Trường MN Sông Ray (ấp 9)	0,70	Sông Ray	Chuyển tiếp
64	Trường MN Hướng Dương, Phân hiệu ấp 5	0,10	Sông Nhạn	Chuyển tiếp
65	Trường MN Tuổi Thơ (Phân hiệu ấp 8)	0,30	Thừa Đức	Chuyển tiếp
66	Trường MN Xuân Bảo	0,30	Xuân Bảo	Chuyển tiếp
67	Trường MN Xuân Đông, PH Cọ Dầu	0,32	Xuân Đông	Chuyển tiếp
68	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc, PH Suối Lúc	1,70	Xuân Đông	Chuyển tiếp
69	Trường TH Võ Thị Sáu	0,82	Xuân Đông	Chuyển tiếp
70	Trường THCS Nguyễn Trãi	1,19	Xuân Đông	Chuyển tiếp
	* Đất công trình năng lượng			

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (xã, thị trấn)	Ghi chú
71	Đường dây 110kV Xuân Lộc - Cẩm Mỹ và Trạm 110kV Cẩm Mỹ	0,63	Xuân Quế, Xuân Đường, Long Giao, Nhân Nghĩa	Chuyển tiếp
	* Đất cơ sở tôn giáo			
72	Giáo xứ Xuân Bảo	0,80	Bảo Bình	Chuyển tiếp
73	Tịnh xá Ngọc Bình	0,79	Bảo Bình	Chuyển tiếp
74	Giáo xứ Gia Vinh	2,00	Lâm Sơn	Chuyển tiếp
75	Chùa Hoàng Mai	0,08	Long Giao	Chuyển tiếp
76	Ban trị sự giáo hội phật giáo huyện Cẩm Mỹ	0,25	Nhân Nghĩa	Chuyển tiếp
77	Giáo xứ Xuân Triệu (cơ sở Thiên Phúc)	0,77	Sông Nhạn	Chuyển tiếp
78	Chùa Thiên Ân	0,21	Sông Ray	Chuyển tiếp
79	Giáo xứ Thừa Ân	0,45	Thừa Đức	Chuyển tiếp
80	Giáo xứ Thiên Đức	1,55	Thừa Đức	Chuyển tiếp
81	Chùa Bảo Viên	0,59	Xuân Bảo	Chuyển tiếp
82	Chi hội Tin Lành Xuân Đông	0,20	Xuân Đông	Chuyển tiếp
83	Giáo xứ Suối Cả	0,71	Xuân Đường	Chuyển tiếp
84	Giáo xứ Xuân Tây	1,03	Xuân Tây	Chuyển tiếp
85	Chùa Đa Bảo	0,06	Xuân Tây	Chuyển tiếp
86	Cộng đoàn Đaminh Thánh Thể Xuân Lộc - Xuân Đường	0,05	Xuân Đường	Chuyển tiếp
87	Chùa Hoằng Độ	0,20	Xuân Quế	Chuyển tiếp
88	Tịnh thất Lâm Tuyên	0,30	Sông Ray	Chuyển tiếp
89	Giáo xứ Hồng Ân	2,28	Sông Ray	Chuyển tiếp
90	Thiền thất Chơn Như	0,70	Sông Ray	Chuyển tiếp
91	Tịnh thất Bình An	0,15	Xuân Đông	Chuyển tiếp
92	Chùa Phước An 2	0,76	Xuân Tây	Chuyển tiếp
93	Chùa Tam Bảo	0,09	Xuân Tây	Chuyển tiếp
94	Chùa Liễu Quán Phước Điền	0,60	Xuân Tây	Chuyển tiếp
95	Chùa Định Quang	0,05	Xuân Tây	Chuyển tiếp
96	Chùa Thanh Lương	0,11	Xuân Tây	Chuyển tiếp
97	Tịnh thất Bảo Viên	0,02	Xuân Tây	Chuyển tiếp
98	Tịnh xá Ngọc Xuân	1,05	Xuân Tây	Chuyển tiếp
99	Cộng đoàn Mẹ Vô Nhiễm (thuộc Dòng Nữ Tỳ Chúa Giêsu Linh Mục)	0,96	Nhân Nghĩa	Chuyển tiếp
100	Cộng đoàn Mến Thánh Giá Tân Việt Nam Hà (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Tân Việt)	0,27	Xuân Bảo	Chuyển tiếp
101	Tu viện Mến Thánh Giá Gò Vấp - Xuân Quế (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Gò Vấp)	0,06	Xuân Quế	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (xã, thị trấn)	Ghi chú
102	Giáo xứ Hoàn Quân (mở rộng)	0,07	Long Giao	Bổ sung
	* Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng			
103	Nghĩa địa ấp Lò Than	0,30	Bảo Bình	Chuyển tiếp
	* Đất cơ sở dịch vụ xã hội			
104	Trung tâm nhân đạo Làng Tre	2,98	Xuân Quế	Chuyển tiếp
	* Đất chợ			
105	Chợ Xuân Mỹ	0,74	Xuân Mỹ	Chuyển tiếp
	d. Đất sinh hoạt cộng đồng			
106	Nhà văn hóa ấp Tân Bình xã Bảo Bình	0,05	Bảo Bình	Chuyển tiếp
107	Nhà văn hóa ấp Tân Hòa xã Bảo Bình	0,03	Bảo Bình	Chuyển tiếp
108	Nhà văn hóa ấp Tân Xuân (cũ) xã Bảo Bình	0,01	Bảo Bình	Chuyển tiếp
109	Nhà văn hóa ấp Tân Xuân xã Bảo Bình	0,06	Bảo Bình	Chuyển tiếp
110	Nhà văn hóa ấp 1 xã Lâm San	0,03	Lâm San	Chuyển tiếp
111	Nhà văn hóa ấp 2 xã Lâm San	0,06	Lâm San	Chuyển tiếp
112	Nhà văn hóa ấp 3 xã Lâm San	0,05	Lâm San	Chuyển tiếp
113	Nhà văn hóa ấp 6 xã Lâm San	0,04	Lâm San	Chuyển tiếp
114	Nhà văn hóa ấp Chính Nghĩa xã Nhân Nghĩa	0,06	Nhân Nghĩa	Chuyển tiếp
115	Nhà văn hóa ấp Duyên Lãng xã Nhân Nghĩa	0,02	Nhân Nghĩa	Chuyển tiếp
116	Nhà văn hóa ấp Tân Lập xã Nhân Nghĩa	0,17	Nhân Nghĩa	Chuyển tiếp
117	Nhà văn hóa ấp 3 xã Sông Nhạn	0,06	Sông Nhạn	Chuyển tiếp
118	Nhà văn hóa ấp 4 xã Sông Nhạn	0,03	Sông Nhạn	Chuyển tiếp
119	Nhà văn hóa ấp 5 xã Sông Ray	0,01	Sông Ray	Chuyển tiếp
120	Nhà văn hóa ấp 6 xã Sông Ray	0,06	Sông Ray	Chuyển tiếp
121	Nhà văn hóa ấp 8 xã Sông Ray	0,02	Sông Ray	Chuyển tiếp
122	Nhà văn hóa ấp La Hoa xã Xuân Đông	0,05	Xuân Đông	Chuyển tiếp
123	Nhà văn hóa ấp Láng Me 1 xã Xuân Đông	0,02	Xuân Đông	Chuyển tiếp
124	Nhà văn hóa ấp Láng Me 2 xã Xuân Đông	0,05	Xuân Đông	Chuyển tiếp
125	Nhà văn hóa ấp Suối Nhát xã Xuân Đông	0,04	Xuân Đông	Chuyển tiếp
126	Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm (cũ) xã Xuân Mỹ	0,05	Xuân Mỹ	Chuyển tiếp
127	Nhà văn hóa ấp Suối Râm xã Xuân Quế	0,05	Xuân Quế	Chuyển tiếp
128	Nhà văn hóa ấp 2 xã Xuân Tây	0,01	Xuân Tây	Chuyển tiếp
129	Nhà văn hóa ấp 6 xã Xuân Tây	0,04	Xuân Tây	Chuyển tiếp
130	Nhà văn hóa ấp 8 xã Xuân Tây	0,02	Xuân Tây	Chuyển tiếp
131	Nhà văn hóa ấp 11 xã Xuân Tây	0,13	Xuân Tây	Chuyển tiếp
132	Nhà văn hóa ấp 12 xã Xuân Tây	0,06	Xuân Tây	Chuyển tiếp
	e. Đất xây dựng trụ sở cơ quan			
133	Trụ sở UBND xã Xuân Đông	0,72	Xuân Đông	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (xã, thị trấn)	Ghi chú
134	Nhà công vụ giáo viên (UBND xã quản lý)	0,09	Xuân Đông	Chuyển tiếp
135	Nhà tập thể giáo viên ấp Cẩm Sơn (UBND xã quản lý)	0,04	Xuân Mỹ	Chuyển tiếp
136	Trụ sở UBND xã Xuân Tây	1,01	Xuân Tây	Chuyển tiếp
	f. Đất ở tại đô thị			
137	Khu dân cư phía Nam khu nhà ở xã hội	1,17	Long Giao	Chuyển tiếp
138	Khu dân cư số 1 (khu phía Nam)	0,85	Long Giao	Chuyển tiếp
139	Khu dân cư số 3 (Khu TT huyện)	6,29	Long Giao	Chuyển tiếp
140	Khu dân cư số 1 còn lại	22,30	Long Giao	Chuyển tiếp
141	Khu đất đấu giá (một phần thửa đất số 23 tờ bản đồ số 10 thị trấn Long Giao)	0,08	Long Giao	Chuyển tiếp
	g. Đất ở tại nông thôn			
142	Khu đất đấu giá (thửa đất số 101 tờ bản đồ số 42 xã Sông Ray)	0,07	Sông Ray	Chuyển tiếp
143	Khu đất đấu giá (thửa đất số 41, 59, 60 tờ bản đồ số 56 xã Sông Nhạn)	0,67	Sông Nhạn	Chuyển tiếp
144	Khu tái định cư xã Xuân Quế	1,00	Xuân Quế	Chuyển tiếp
	h. Đất nông nghiệp khác			
145	Dự án Xây dựng trang trại chăn nuôi gia cầm (gà-vịt) tại xã Xuân Đông	2,91	Xuân Đông	Bổ sung
	3. CHUYỂN MỤC ĐÍCH HỘ GIA ĐÌNH CÁ NHÂN			
1	Chuyển từ các loại đất nông nghiệp sang đất ở phục vụ nhu cầu về đất ở phát sinh trong năm	15,00	Các xã, thị trấn	
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở phục vụ nhu cầu về đất ở phát sinh trong năm</i>	2,00	Các xã, thị trấn	
2	Chuyển từ các loại đất nông nghiệp sang đất nông nghiệp khác	50,00	Các xã, thị trấn	
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác</i>	15,00	Các xã, thị trấn	
3	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	30,00	Các xã, thị trấn	
4	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng nuôi trồng thủy sản	2,00	Các xã, thị trấn	
5	Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác sang nuôi trồng thủy sản	1,00	Các xã, thị trấn	
6	Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	3,00	Các xã, thị trấn	
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở</i>	1,00	Các xã, thị trấn	

